TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2023
V/v: "Ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Quách Hà Vính; Bà Quách Thị Tình.
- *Th ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thắm - Th ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023; Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H - Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn TM, xã TC, huyện TT, tỉnh TH.
- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh H1; Sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn TM, xã TC, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên tòa có mặt chị Đào Thị H; Vắng mặt anh Trần Thanh H1 (Anh H1 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022, bản tự khai ngày 06/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Trần Thanh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009 tại UBND thị trấn QP, huyện CưM'Gar, tỉnh ĐL. Sau khi cưới, chị H và anh H1 về sinh sống tại thôn TM, xã TC, huyện TT, tỉnh TH. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ, chồng tính tình không hoà hợp, anh H1 không quan tâm đến cuộc sống gia đình để cùng chị H nuôi dạy con cái. Chị H, anh H1 đã sống ly thân từ năm 2022. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đào Thanh H2, sinh ngày: 02/6/2010 và cháu Trần Đào Anh Th, sinh ngày: 21/4/2017. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai ngày 20/3/2023 bị đơn anh Trần Thanh H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Đào Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện CưM'Gar, tỉnh ĐL. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp. Nay chị Đào Thị H làm đơn xin ly hôn anh H1, anh H1 xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên anh H1 cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H1 được ly hôn chị H.

- Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Trần Đào Thanh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trần Đào Anh Th (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/4/2017. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị H, anh H1 hoàn toàn đồng ý.

- Về tài sản: Anh H1 và chị H không có tài sản chung, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyện vọng của cháu, Trần Đào Thanh H2: Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Trần Thanh H1. Giao cháu Trần Đào Thanh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trần Đào Anh Th (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/4/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Trần Thanh H1. Anh H1 đăng ký hộ khẩu Thờng trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản

1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Trần Thanh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn QP, huyện CưM'Gar, tỉnh ĐL vào ngày 08/10/2009 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, anh H1 chị H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Trần Đào Thanh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trần Đào Anh Th (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/4/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh H1 có trình bày đồng ý giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Theo nguyện vọng của cháu H2, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ và Cháu Th đang còn nhỏ. Hội đồng xét xử thấy: Đây là sự tự nguyện của chị H và anh H1 phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

` [5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Trần Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đào Thanh H2 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trần Đào Anh Th (Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/4/2017 cho chị Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trần Thanh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh H1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật, nhưng

được trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007961 ngày 23/02/2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đào Thị H, vắng mặt anh Trần Thanh H1. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự và Điều 7a,7b Luật sửa đổi, bổ sung luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THADS huyện TT;
- UBND thị trấn QP, huyện CưM'Gar, tỉnh ĐL;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn